

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 238/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Đặng Huy Du

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 254/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Số 164 đường Đ, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 4/80 đường V, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Bị đơn:** Anh Lê Xuân Tr, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: Số 4/80 đường V, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại Hồng Kông, Trung Quốc.

Chị Vũ Thị Th vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Xuân Tr vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Th và anh Lê Xuân Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 19/3/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không hợp. Gia đình hai bên đã tiến hành hoà giải nhưng không thành. Cùng năm 2015, anh Tr trốn sang Hồng Kông để lao động. Anh Tr vẫn liên lạc với gia đình qua mạng xã hội nhưng không cung cấp địa chỉ cho gia đình được biết. Chị Th và anh Tr sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Do tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Th và anh Tr có 02 con chung là Lê Vũ Thuỳ D, sinh ngày 01/4/2003 và Lê Vũ P, sinh ngày 28/11/2006. Từ khi anh Tr sang Hồng Kông đến nay, hai cháu đều do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Th đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th và anh Tr tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Lê Xuân Tr trong quá trình giải quyết vụ án:

Theo Công văn số 22415/QLXNC-P5 ngày 30/8/2023 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, anh Lê Xuân Tr, sinh ngày 24/01/1983 đã nhập cảnh về nước ngày 19/3/2008.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Xuân Tr thông qua bà Trần Thị M là mẹ đẻ của anh Lê Xuân Tr. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2023, bà M trình bày: Anh Tr và chị Vũ Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 19/3/2003. Quá trình chung sống hai vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, anh Tr đi lao động xa nhà, cụ thể là đi Hồng Kông nhưng vẫn thỉnh thoảng về thăm gia đình. Đến khoảng năm 2015, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, anh Tr bỏ sang Hồng Kông để làm việc luôn, từ đó đến nay cũng không về Việt Nam, hai vợ chồng sống ly thân. Bà M đã thông báo cho anh Tr biết việc chị Th xin ly hôn anh Tr tại Tòa án. Quan điểm của anh Tr là đồng ý ly hôn. Gia đình không có ý kiến gì nếu như chị Th và anh Tr muốn ly hôn. Về con chung: Anh Tr và chị Th có 02 con chung là Lê Vũ Thuỳ D, sinh ngày 01/4/2003 và Lê Vũ P, sinh ngày 28/11/2006, hai cháu đều đang ở với chị Th, do anh Tr không có mặt ở Việt Nam nên đồng ý giao hai con chung

cho chị Th nuôi, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh Tr và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về địa chỉ nơi cư trú của anh Tr: Gia đình không nắm rõ được địa chỉ anh Tr ở Hồng Kông nhưng vẫn liên lạc được với anh Tr qua mạng xã hội, gọi điện qua facetime, hình ảnh và thường xuyên trao đổi với anh Tr về các nội dung Tòa án thông báo nên anh Tr đã cung cấp các quan điểm như trên, đồng thời anh Tr cũng đã gửi bản tự khai về cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Sau 02 lần nhận được thông báo của Tòa án yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh Tr tại Hồng Kông, gia đình cũng đã yêu cầu anh Tr cung cấp địa chỉ nhưng anh Tr từ chối về lý do công việc nên không thể cung cấp được. Thỉnh thoảng anh Tr có gửi đồ về cho gia đình, bà M thấy dấu bưu điện nơi gửi từ Hồng Kông nhưng cũng không ghi địa chỉ cụ thể. Thời điểm sang Hồng Kông, anh Tr đi bằng đường bộ, không chính ngạch, không thông qua cơ quan quản lý xuất nhập cảnh nên cơ quan quản lý xuất nhập cảnh không nắm được. Đồng thời, bà M cũng cung cấp tin nhắn thể hiện đã giao các văn bản của Tòa án cho anh Tr, quan điểm của anh Tr và ảnh chụp của anh Tr tại Hồng Kông. Địa chỉ cuối cùng trước khi anh Tr trước khi đi Hồng Kông, Trung Quốc là: Số 4/80 đường V, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phùng Thị Ngoãn, mẹ đẻ của chị Vũ Thị Th trình bày: Chị Th và anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 19/3/2003. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại nhà anh Tr ở địa chỉ số 4/80 đường V, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà M được biết hai vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Sau đó anh Tr sang Hồng Kông để lao động, tuy vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại, mạng xã hội facebook, zalo nhưng không về nước. Thời gian ly thân đã lâu. Việc chị Th có đơn xin ly hôn anh Tr tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Thủy.

Chị Vũ Thị Th đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Do không tổng đạt được các văn bản tố tụng trực tiếp, Tòa án đã giao cho đại diện gia đình đồng thời niêm yết tại địa chỉ số 4/80 đường V, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú cuối cùng của bị đơn và tại trụ sở Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Vũ Thị Th và anh Lê Xuân Tr vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chị Vũ Thị Th và anh Lê Xuân Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 19/3/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, cùng năm 2015, anh Tr sang Hồng Kông, Trung Quốc lao động. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế. Xét thấy: Hôn nhân giữa chị Th và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Về con chung: Anh Tr, chị Th có 02 con chung là Lê Vũ Thuỳ D, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2003 và Lê Vũ P, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2006, hiện đang ở với chị Th, anh Tr không có mặt tại Việt Nam. Chị Th đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu Lê Vũ Thuỳ D hiện đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Xét thấy: Cháu P từ trước đến nay vẫn ở cùng mẹ, anh Tr mặc dù biết chị Th xin ly hôn nhưng không có quan điểm gì về vấn đề hôn nhân và con chung, cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, do đó cần tiếp tục giao cháu P cho chị Th nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Th có địa chỉ tại Hải Phòng xin ly hôn anh Lê Xuân Tr hiện đang cư trú tại Hồng Kông, Trung Quốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Vũ Thị Th và bị đơn là anh Lê Xuân Tr cùng vắng mặt tại phiên tòa, chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh Tr vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị Vũ Thị Th và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, anh chị có kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 19/3/2003, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được. Anh chị sống ly thân từ năm 2015 (thời điểm anh Tr sang Hồng Kông) đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Vũ Thị Th và anh Lê Xuân Tr không hạnh phúc, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Th được ly hôn anh Lê Xuân Tr.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị Th và anh Lê Xuân Tr có 02 con chung là Lê Vũ Thuý D, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2003 và Lê Vũ P, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2006, hiện đang ở với chị Th, anh Tr không có mặt tại Việt Nam. Cháu Lê Vũ Thuý D hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị Th đề nghị được nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của cháu P và đại diện gia đình anh Tr nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con Lê Vũ P cho chị Th trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Th và anh Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Th và anh Lê Xuân Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm:*

[6] Chị Vũ Thị Th là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo của các đương sự:*

[7] Chị Vũ Thị Th và anh Lê Xuân Tr được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Th, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Lê Xuân Tr.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị Th và anh Lê Xuân Tr có 02 con chung là Lê Vũ Thuỳ D, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2003 và Lê Vũ P, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2006. Con Lê Vũ Thuỳ D hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Giao con chung tên là Lê Vũ P, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2006 cho chị Vũ Thị Th trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Vũ Thị Th không yêu cầu, nên tạm thời Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Th và anh Lê Xuân Tr không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000165 ngày 15/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Vũ Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Lê Xuân Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 19/3/2003);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà